

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-PT
Ngày: 31-01-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Phan Ngọc Minh

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang H - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLPT-DS ngày 24/11/2017, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2018/QĐ-PT ngày 16/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Bá T - sinh năm 1952 và bà Bùi Thị Minh H - sinh năm 1954.

- *Bị đơn:* Ông Ngô S - sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1955.

Cùng cư trú tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô S và bà Nguyễn Thị H:* Luật sư Nguyễn Công Tuấn – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Công Tuấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H – Chủ tịch.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Thanh H – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 181/QĐ-UBND ngày 30/01/2015), có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bùi Thị Minh H là nguyên đơn và ông Ngô S, bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/03/2012, bổ sung đề ngày 04/05/2012, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị Minh H và ông Lê Bá T cùng trình bày:*

Năm 1984, cha mẹ bà là ông Bùi Thanh V và bà Đỗ Thị Minh L cho ông, bà diện tích đất 129m² thuộc một phần thửa đất số 519, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.216m² tại đội 3, thôn Liên Hiệp I, thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi do bà Trần Thị T và bà Đỗ Thị Minh L đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg để làm nhà.

Trong năm 1984, ông bà làm nhà ở ổn định trên diện tích đất được cho đến năm 2002 được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H với diện tích 129m² thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 29 tại thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh nay thuộc tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình quản lý, sử dụng năm 1984 và năm 1986, ông Ngô S và bà Nguyễn Thị H làm nhà lấn chiếm đất của ông, bà nhưng do bà đi làm ăn xa chỉ có ông T ở nhà, khi bà về phát hiện ông S, bà H làm nhà lấn chiếm đất của bà nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không khiếu nại gì. Đến năm 2008, ông S, bà H tiếp tục làm nhà lấn chiếm đất của ông, bà tổng cộng 3 lần theo đo đạc thực tế là 11,4m² nên ông, bà có Đơn khiếu nại đến UBND thị trấn Sơn Tịnh yêu cầu giải quyết nhưng không thành.

Nay, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà Thị H tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm trả lại phần đất lấn chiếm 11,4m² cho ông, bà vì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà được cấp thì ranh giới giữa đất giữa hai nhà là một đường thẳng không pH đường gấp khúc như hiện nay.

* *Tại Bản tường trình đề ngày 16/10/2012, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Ngô S, bà Nguyễn Thị H cùng trình bày:*

Diện tích đất ông, bà đang quản lý, sử dụng nguyên trước đây là của ông Nguyễn L. Trước năm 1975, gia đình ông L vào Miền nam sinh sống. Khi đất nước thống nhất, gia đình ông L không trở về quê, vườn của ông L bỏ hoang, không ai quản lý, sử dụng. Năm 1976, ông lập gia đình không có chỗ ở, ông được ông Nguyễn T, Nông H trưởng cấp cho ông diện tích đất khoảng 500m² thuộc một phần thửa đất số

520, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.102m² do ông Ngô T, Lê H, Lê TH đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg.

Năm 1984, ông bà làm nhà ở trên diện tích đất này. Năm 1986 và năm 2008 ông, bà tiếp tục xây thêm nhà, công trình phụ liền kề với căn nhà xây năm 1984 để ở. Các lần làm nhà đều trên diện tích đất ông được ông T cấp và không có ai tranh chấp.

Năm 2002, ông được cán bộ địa chính thị trấn Sơn Tịnh thông báo ra cơ quan để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của diện tích đất ông đang quản lý sử dụng, cán bộ địa chính nói ông ký vào một số giấy tờ, biên bản gì đó để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đều ký và nộp lệ phí 28.000đ nhưng không rõ là giấy tờ gì. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Sơn Tịnh cấp cho hộ ông Ngô S vào ngày 31/12/2002 thì diện tích đất ông, bà đang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 29, diện tích 264m². Năm 2008, ông T và bà H khởi kiện cho rằng ông, bà lấn chiếm đất, lúc này ông mới biết diện tích đất của ông chỉ còn 264m² không đúng với diện tích đất trước đây được ông T cấp cho ông. Bức xúc việc thiếu đất ông đã 3 lần làm đơn yêu cầu UBND huyện Sơn Tịnh giải quyết nhưng không thành.

Nay, ông T và bà H yêu cầu ông, bà tháo dỡ phần công trình xây dựng trên đất lấn chiếm trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 11,4m² cho bà H, ông T thì ông, bà không đồng ý.

** Tại biên bản làm việc ngày 17/8/2016, văn bản ngày 13/9/2016, biên bản làm việc ngày 21/4/2017, ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Q trình bày: Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 29, diện tích 129m² được biến động từ thửa đất số 519, tờ bản đồ số 2 lập năm 1983 theo sổ đăng ký ruộng đất do bà Trần Thị T và bà Đỗ Thị Minh L đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg với diện tích 1.216m².*

Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 29, diện tích 264m² được biến động từ thửa đất số 520, tờ bản đồ số 2 lập năm 1983, diện tích 5.102m² theo sổ đăng ký ruộng đất do ông Ngô T, Lê H, Lê TH đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sơn Tịnh, huyện Tư Nghĩa để mở rộng địa giới hành chính thành phố Quảng Ngãi và thành lập phường Trương Quang Trọng thuộc thành phố Quảng Ngãi. Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Sơn Tịnh không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Minh H và ông Ngô S nên không có căn cứ phúc đáp cho Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bản án số 49/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Minh H và ông Lê Bá T. Buộc ông Ngô S và bà Nguyễn Thị H pH có nghĩa vụ thanh toán cho bà H, ông T giá trị quyền sử dụng đất diện tích xây dựng công trình nhà vào năm 2008 lần chiếm 2,3m² với số tiền 8.436.400đ.

Giao diện tích đất 2,3m² của bà H, ông T mà ông S, bà H xây dựng nhà vào năm 2008 lần chiếm cho ông S, bà H tiếp tục quản lý sử dụng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và ông T về việc yêu cầu ông S, bà H tháo dỡ phần công trình nhà xây dựng vào năm 1984, 1986 trên đất trả lại diện tích đất lần chiếm 9,1m².

3. Đề nghị UBND thành phố Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03068 QSDĐ/782/QĐ-UB ngày 31/12/2002 cấp cho hộ bà H, khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H trừ đi diện tích đất ông S xây dựng nhà vào năm 1984, năm 1986 và diện tích đất 2,3m² (phần đất ông S, bà H lần chiếm xây dựng nhà bếp năm 2008 đã giao cho ông S, bà H sử dụng theo bản án).

4. Về chi phí đo đạc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 29 ngày 12/6/2014 số tiền 2.477.000đ bà H, ông T yêu cầu nên pH chịu, đã nộp tạm ứng và chi xong.

Chi phí đo đạc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 29 ngày 12/6/2014 số tiền 2.377.000đ ông S, bà H yêu cầu nên pH chịu, đã nộp tạm ứng và chi xong.

5. Về chi phí định giá tài sản, thẩm định giá tài sản, đo đạc lại tài sản tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ là 11.616.000đ, bà H, ông T, ông S, bà H mỗi bên pH chịu ½ với số tiền là 5.808.000đ nhưng bà H, ông T đã nộp tạm ứng và chi xong nên buộc ông S, bà H pH hoàn trả lại cho bà H, ông T số tiền là 5.808.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 12/10/2017, bà Bùi Thị Minh H kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Ngô S, bà Nguyễn Thị H pH tháo dỡ công trình xây dựng lần chiếm trả lại cho gia đình bà diện tích đất 11,4m².

* Ngày 12/10 và ngày 20/10/2017, ông Ngô S và bà Nguyễn Thị H kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông, bà pH hoàn trả giá trị 2,3m² đất là 8.436.400đ cho ông Lê Bá T, bà Bùi Thị Minh H; Ông, bà không đồng ý chịu ½ chi phí tố tụng khác là 5.808.000đ.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị H đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn không pH chịu ½ chi phí tố tụng khác.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa, Thư ký phiên tòa kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm H đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại Điều 285, 286, 287, 294, 298 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Minh H, ông Ngô S và bà Nguyễn Thị H là hợp lệ và trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị H đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận một phần kháng cáo của ông S, bà H. Sửa bản án sơ thẩm số 49/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi về chi phí tố tụng khác: Ông T, bà H pH chịu 9.292.800đ; ông S, bà H pH chịu 2.323.200đ tiền chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, H đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Bùi Thị Minh H và kháng cáo bị đơn là ông Ngô S, bà Nguyễn Thị H, H đồng xét xử nhận thấy:

Năm 1984 ông S, bà H xây dựng nhà trên thửa đất số 180, tờ bản đồ số 29 tại thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Đến năm 1986, ông S, bà H tiếp tục xây dựng phần nhà ngang liền kề với phần nhà xây dựng năm 1984 để ở. Trong quá trình ông S, bà H xây dựng nhà và nhà ngang thì bà H, ông T đều biết nhưng không khiếu nại hoặc tranh chấp gì. Đến ngày 31/12/2002 hộ ông Ngô S được UBND huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 29, diện tích 264m². Đến năm 2008, ông S, bà H tiếp tục xây dựng nhà bếp, công trình vệ sinh liền kề với phần nhà xây dựng năm 1986 để sử dụng thì ông T, bà H mới tranh chấp.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/7/2013, đại diện UBND huyện Sơn Tịnh xác định: Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H, cán bộ địa chính và UBND huyện Sơn Tịnh thiếu sự kiểm tra chỉ cấp theo bản đồ. Theo bản đồ khi cấp đất cho hộ bà H có giới cận và độ dài các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường bê Tg có độ dài 7,25m, phía Tây giáp đất ông Nguyễn M có độ dài 7,52m, phía Nam giáp đất ông S có độ dài 18m, phía Bắc giáp đất ông Bùi Thanh V có độ dài 17,7m nên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 cho hộ bà H có một phần đất mà hộ ông S đã sử dụng xây dựng nhà vào năm 1984 và năm 1986, diện tích 6,32m² (theo đo đạc thực tế là 9,1m²) là sai sót về hình thể cũng như diện tích đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H yêu cầu ông S, bà H tháo dỡ công trình trả lại diện tích đất 9,1m² là có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với phần diện tích đất 2,3m² là một phần nhà bếp, công trình vệ sinh mà ông S, bà H xây dựng vào năm 2008 để sử dụng đã không thực hiện đúng ranh giới là một đường thẳng từ phần nhà xây dựng vào năm 1986 về hướng Tây mà xây dựng sang hướng Bắc lấn chiếm diện tích đất của bà H, ông T theo đo đạc thực tế là 2,3m². Do đó, bà H và ông T yêu cầu ông S, bà H trả lại phần diện tích đất xây dựng lấn chiếm vào năm 2008 là có căn cứ chấp nhận, nhưng khi ông S, bà H xây dựng nhà bếp, công trình vệ sinh thì ông T, bà H không có tranh chấp; nhà bếp, công trình vệ sinh được xây dựng kiên cố và sử dụng ổn định từ năm 2008 đến nay nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H buộc ông S, bà H tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để giao trả đất mà buộc ông S, bà H phải hoàn trả giá trị 2,3m² đất, thành tiền 8.436.400đ cho ông T, bà H là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định diện tích đất ông S, bà H được tiếp tục quản lý, sử dụng thuộc thửa đất, tờ bản đồ, tại đâu; không tuyên rõ bị đơn được quyền sử dụng 11,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ 29 tại thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh nay thuộc tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của hộ bà H được UBND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2002 mà lại tuyên đề nghị UBND thành phố Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà H ngày 31/12/2002, khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H trừ đi diện tích đất ông S xây dựng nhà vào năm 1984, năm 1986 và diện tích đất 2,3m² (phần đất ông S, bà H lấn chiếm xây dựng nhà bếp năm 2008 đã giao cho ông S, bà H sử dụng theo bản án) là không cụ thể nên cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Theo phiếu thu của Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (bút lục 331, 332) và Danh sách chi tiền đo đạc (bút lục 342, 343) thì chi phí trích đo thửa đất số 179 là 2.377.000đ, thửa đất số 180 là 2.477.000đ cùng ngày 12/6/2014 do ông T, bà H và ông S, bà H yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà H và ông S, bà H tự chịu (đã nộp xong) là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên ông T, bà H chịu chi phí trích đo thửa 179 là 2.477.000đ; ông S, bà H chịu chi phí trích đo thửa 180 là 2.377.000đ là không chính xác, cần sửa lại cho phù hợp.

Chi phí trích đo, định giá, thẩm định giá tài sản tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ, tổng cộng là 11.616.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu ½ tương đương với 5.808.000đ là không phù hợp. Bởi lẽ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ và trả lại 11,4m² đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận và buộc bị đơn phải trả lại 2,3m² đất nhưng lại buộc bị đơn phải chịu ½ chi phí tố tụng khác tương đương với 5.808.000đ là thiệt hại cho bị đơn. Do đó, cần sửa phần chi phí tố tụng khác theo hướng bị đơn chỉ phải chịu 1/5 chi phí tố tụng khác tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 2.323.200đ, nguyên đơn phải chịu 4/5 chi phí tố tụng khác tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là 9.292.800đ.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận một phần kháng cáo của ông S, bà H. Sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên và chi phí tố tụng khác.

[4] Về án phí: Ông S, bà H, bà H không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với một phần nhận định trên, được chấp nhận một phần.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Minh H.

Chấp nhận một phần kháng cáo ông Ngô S, bà Nguyễn Thị H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận phần yêu cầu của bà Bùi Thị Minh H và ông Lê Bá T. Buộc ông Ngô S và bà Nguyễn Thị H pH có nghĩa vụ thanh toán cho bà H, ông T giá trị 2,3m² đất, thành tiền 8.436.400đ (Tám triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà H và ông T về việc yêu cầu ông S, bà H tháo dỡ phần công trình xây dựng vào năm 1984, 1986 để trả lại diện tích đất 9,1m² thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ 29 tại thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh nay thuộc tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của hộ bà H được UBND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2002.

3. Ông S, bà H được sử dụng diện tích đất 11,4m² (ký hiệu là A và C) thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ 29 tại thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh nay thuộc tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của hộ bà H được UBND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2002.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà H, ông T pH chịu chi phí trích đo thửa đất số 179, tờ bản đồ số 29 vào ngày 12/6/2014 số tiền 2.377.000đ (Hai triệu, ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng), bà H và ông T đã nộp xong.

- Ông S, bà H pH chịu chi phí trích đo thửa đất số 180, tờ bản đồ số 29 vào ngày 12/6/2014 số tiền 2.477.000đ (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng), ông S và bà H đã nộp xong.

- Chi phí trích đo, định giá, thẩm định giá tài sản tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ, tổng cộng là 11.616.000đ. Ông T, bà H pH chịu 9.292.800đ (Chín triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, tám trăm đồng). Ông S, bà H pH chịu 2.323.200đ (Hai triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm đồng) nhưng ông T, bà H đã nộp nên ông S, bà H pH có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H, ông T số tiền là 2.323.200đ.

6. Về án phí: Ông S, bà H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà H, ông T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H, ông T 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2010/04416 ngày 08/10/2012 của Chi cục Thi hành án huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan

